

QUÁ TRÌNH TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG Ở ĐÔNG DƯƠNG ĐẾN PHÁP TRONG CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

NGUYỄN THỊ TRANG*
ĐÀO THẾ SƠN**

Theo Clausewitz - nhà lý luận quân sự của Phổ, chiến tranh là sự huy động sức mạnh không hạn độ, sức mạnh đến tột cùng của các bên tham chiến. Tương tự, nhà sử học - xã hội học Michel Foucault cũng nhấn mạnh “chiến tranh được nhìn nhận như cuộc chiến giữa các chủng tộc” trên thế giới (1). Để giành thắng lợi trong cuộc chiến, các cường quốc cần huy động toàn bộ tiềm lực của đất nước, đặc biệt là sức người - nhân tố được xem là một trong những yếu tố dẫn đến thắng lợi của cuộc chiến tranh.

Với quan điểm trên, khi Chiến tranh thế giới thứ Nhất bùng nổ năm 1914, Pháp đã tích cực chuẩn bị và huy động một số lượng lớn của cải, binh lính cũng như lao động từ thuộc địa đến Pháp để phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc. Pháp đã tuyển dụng khoảng 220.000 công nhân từ bên ngoài châu Âu, như An-gê-ri (75.900 người), Maroc (35.000 người), Tu-ni-di (18.500 người), Ma-đa-ga-xca (5.500 người), và Trung Quốc (36.700 người) (2). Là một khu vực có tầm quan trọng hàng đầu trong hệ thống thuộc địa của Pháp, thực dân Pháp cũng huy động ở Liên bang Đông Dương (Việt Nam, Lào, Campuchia ngày nay) gần 50.000 lao động để làm việc trong các nhà

máy công nghiệp quân sự, đồn điền và phục vụ hậu cần chiến tranh ở Pháp (3). Sự hiện diện của người lao động Đông Dương đã đem đến những lợi thế nhất định cho Pháp trong quân sự. Tuy nhiên, việc tuyển dụng lực lượng lao động này không đạt được những kết quả như Pháp mong muốn, bởi trên thực tế chính quyền thực dân phải đối mặt với những hạn chế và làn sóng phản đối tuyển dụng ở cả Pháp và Đông Dương. Bài viết này bước đầu làm rõ nỗ lực và thách thức của chính phủ Pháp trong việc tuyển dụng lao động Đông Dương trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất, đồng thời cung cấp một góc nhìn đa chiều về quá trình tuyển dụng lao động Đông Dương.

1. Thiếu hụt nhân lực và nhu cầu tuyển dụng lao động thuộc địa của Pháp

Năm 1914, cuộc khủng hoảng ở Xéc-bi đã kích hoạt một loạt các liên minh quân sự phức tạp giữa các quốc gia châu Âu, khiến hầu hết các nước này, bao gồm cả Pháp, bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh thế giới chỉ trong vài tuần ngắn ngủi.

Đầu tháng 8 năm 1914, không khí chiến tranh đã bao trùm toàn nước Pháp. Trước những hành động của vua Vinhen II, khi đòi Áo phải lập tức tuyên chiến với Xéc-bi. Mặc dù Xéc-bi đã chịu nhận hầu hết những

*TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

**Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

điều kiện trong tối hậu thư. Tổng thống Pháp Raymond Poincaré (1860-1934) cho rằng “Đức về cơ bản là không chân thành và muốn tham chiến trong mọi trường hợp và bằng mọi giá” (4). Vì vậy, Poincaré đã “chấp nhận một cuộc chiến được coi là không thể tránh khỏi” (5) của nước Pháp. Tương tự, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng René Viviani (1863-1925) cũng cho rằng “mặc dù gắn bó với hòa bình, Pháp và các đồng minh của họ đã phải chịu chiến tranh, họ sẽ chiến đấu đến cùng” (6).

Ngày 1-8-1914, Đức tuyên chiến với Nga, đồng minh của Pháp, ngay lập tức Pháp đã ra lệnh động viên khắp cả nước. Ở mỗi làng, thị trưởng hoặc phó thị trưởng đều nhận được lệnh động viên qua điện thoại từ bốn đến năm giờ chiều. Phó thị trưởng Montjoux (gần Montélimar, miền Đông Nam nước Pháp) nhớ lại “Vào lúc 8 giờ sáng, chúng tôi được yêu cầu không rời khỏi văn phòng do những nguy cơ nghiêm trọng sắp tới. Mỗi lần điện thoại reo, chúng tôi lại cảm thấy bồn chồn”. Sau đó, “các chiến binh đến, cưỡi ngựa hoặc đi ô tô. Họ mang theo thông báo chính thức, đứng trong một phong bì viền đen, trông như một tấm thiệp tang” (7). Cuộc tổng động viên đã được công bố vào ngày 2 tháng 8 năm 1914. Những tấm áp phích nhanh chóng được dán trên tường của tòa thị chính, trường học và bưu điện. Ở Petits-Robins-de-Livron, cách Lyon khoảng 75 dặm về phía Nam, một cựu chiến binh trong Chiến tranh Pháp - Phổ đã cảnh báo với những người xung quanh: “Sẽ khó khăn lắm! Tôi biết họ (Đức). Chúng ta phải đặc biệt cảnh giác với những cái bẫy mà họ sẽ giăng ra cho chúng ta” (8). Ở làng Rémuzat (cách Avignon khoảng 60 dặm về phía Đông Bắc), thị trưởng cũng nhắc nhở người dân về nghĩa vụ của mình và kêu gọi mọi

người xem xét kỹ các giấy tờ quân sự của họ (9). Trong ba ngày (từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 8 năm 1914), hàng triệu người đàn ông Pháp đã đổi quần áo dân sự lấy quân phục và lên chuyến tàu được chỉ định để tiến về mặt trận phía Bắc và Đông Bắc nơi mà họ không biết về điều gì đã xảy ra. Một bác sĩ quân y thuộc Trung đoàn Pháo binh 27, Gaston Top, đã viết trong nhật ký của mình: “Chúng tôi ngồi trong toa tàu khi đoàn tàu chậm rãi đưa chúng tôi đến nơi làm nhiệm vụ. Không ai trong chúng tôi biết chính xác điểm đến, ngoại trừ người lái tàu. Mỗi khi tàu dừng tại một nhà ga lớn, có người trao cho anh ta những phong bì dán kín, bên trong chứa đựng số phận của chúng tôi” (10). Có thể nói, chưa bao giờ trong lịch sử quân sự của mình, Pháp lại huy động một số lượng quân lớn như vậy.

Ngày 3-8-1914, Đức tuyên chiến với Pháp theo kế hoạch Schlieffen với âm mưu tấn công Pháp bằng một cuộc chiến tranh chớp nhoáng trong vòng nửa tháng rồi sẽ điều chủ lực sang mặt trận Nga. Khi nước Pháp bắt đầu cuộc chiến, chính phủ Pháp tin rằng nó sẽ nhanh chóng kết thúc, nhưng thực tế lại trở thành một cuộc chiến kéo dài và khốc liệt. Chỉ sau sáu tuần chiến đấu từ tháng 8 đến tháng 9, quân Pháp đã mất khoảng 100.000 quân. Đặc biệt, chỉ trong ngày 22-8-1914, 27.000 lính Pháp đã thiệt mạng, biến ngày này thành ngày đẫm máu nhất trong lịch sử quân sự của Pháp. Đáng chú ý, khi 2 triệu quân dàn trận trên tất cả các mặt trận - con số đã chạm đến ngưỡng giới hạn của quân đội Pháp lúc bấy giờ, đã dấy lên lo ngại về tình trạng thiếu binh sĩ trầm trọng vào cuối năm 1915 ở Pháp (11).

Không chỉ đối mặt với tình trạng thiếu binh sĩ phục vụ cho chiến tranh mà chính phủ Pháp cũng phải đối mặt với tình trạng

khủng hoảng lao động. Để có được nhân lực cần thiết nhằm duy trì nền kinh tế cũng như đáp ứng nhu cầu của chiến tranh, Pháp đã huy động lao động phụ nữ. Ở nông thôn, từ tháng 8 năm 1914, phụ nữ phải làm việc đồng áng và thu hoạch để thay thế những người đàn ông đã ra mặt trận. Ở các thành phố, phụ nữ thay thế đàn ông trong các nhà máy. Số lao động nữ trong ngành công nghiệp chiến tranh tăng từ 13.000 người (thời điểm bắt đầu huy động lao động) cho đến 400.000 người (vào tháng 1 năm 1918) (12). Mặc dù, số lượng phụ nữ làm việc trong các nhà máy tăng cao, nhưng không đủ để đáp ứng được sự thiếu hụt lao động do sự mở rộng nhanh chóng của công nghiệp chiến tranh. Báo cáo của chính phủ Pháp cho thấy “ngành công nghiệp vũ khí đang phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động đáng báo động” (13).

Trước sự thiếu hụt về nhân lực, Pháp đã yêu cầu “giúp đỡ” từ lao động thuộc địa như An-gê-ri, Ma-rốc, Tu-ni-di, Ma-đa-ga-xca và Đông Dương. “Đế quốc Pháp rộng trên 10 triệu ki-lô-mét vuông và dân số trên 55 triệu người, tạo thành một kho dự trữ của cải cho chính quốc” (14). Để tuyển dụng lao động thuộc địa, thực dân Pháp đã thành lập “Ủy ban liên bộ về nhân lực” (Commission interministérielle de la main-d’œuvre) vào đầu tháng 9 năm 1915. Ủy ban liên bộ về nhân lực (CIMO) có vai trò “Tuyển dụng lực lượng lao động trong và ngoài nước cần thiết cho các hoạt động công nghiệp, thương mại và nông nghiệp và đặc biệt là cho các hoạt động công cộng và tư nhân, cơ sở làm công tác quốc phòng” (15). Kết quả là khắp nơi trong đế quốc Pháp phải tiến hành tuyển mộ binh lính và lao động để đưa sang Pháp phục vụ cho cuộc chiến tranh đế quốc.

2. Quá trình tuyển dụng lao động ở Đông Dương

Khi Chiến tranh thế giới thứ Nhất bùng nổ, Toàn quyền Đông Dương tuyên bố: “Nhiệm vụ chủ yếu của Đông Dương là phải cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực”. Do đó, Pháp ra sức vơ vét ở Đông Dương để gánh đỡ những tổn thất và thiếu hụt của Pháp trong chiến tranh. Đặc biệt, hàng chục ngàn người Đông Dương bị đưa sang châu Âu với vai trò là lính chiến hay lao động cho Pháp.

Việc huy động nguồn nhân lực ở Đông Dương diễn ra trong nhiều giai đoạn. Ngày 29-3-1915, Toàn quyền E. Roumèras lệnh cho tất cả quân nhân và quân nhân dự bị của Pháp phục vụ dưới lá cờ Pháp ở châu Âu. Ngày 1-6-1915, ông đưa ra bản công bố thứ hai, kêu gọi tất cả những người sinh ra ở Pháp và công dân nhập tịch Pháp đến phục vụ ở Châu Âu. Những người công dân nhập tịch này sẽ được nhận mức lương tương đương 150 francs hàng tháng và hưởng những điều kiện giống như người châu Âu. Lần sóng huy động thứ ba được đặt ra vào ngày 22-11-1915 khi Toàn quyền kêu gọi quân dự bị bản xứ đi làm nhiệm vụ quân sự. Cuối cùng, ngày 17-12-1915, chính phủ Pháp thực hiện chiến dịch tuyển dụng lao động từ Đông Dương đến Pháp (16). Pennequin - một quan chức trong chính phủ Pháp khẳng định “Về phần mình, An Nam phải cung cấp lao động quân sự với sự phục tùng và kỷ luật...” (17).

Kế hoạch tuyển dụng ban đầu ở Liên bang Đông Dương là 50.800 người trong đó khoảng 19.000 binh lính, khoảng 100 thông ngôn, và 31.700 lao động (18). Đợt tuyển dụng lao động đầu tiên được tiến hành trong suốt nửa đầu năm 1915 với hàng trăm người lao động có tay nghề như thợ sơn mài, thợ tiện và thợ cơ khí. Đến nửa

cuối năm 1915, con số này đã tăng lên hàng nghìn người. Đặc biệt, từ năm 1916 số lượng lao động ở Đông Dương được yêu cầu tuyển dụng ngày càng lớn. Ngày 3-1-1916, được sự cho phép của Toàn quyền Đông Dương E. Roume, Sucillon - Tư lệnh quân đoàn cao cấp của Liên bang Đông Dương đã ra chỉ thị chung về việc tuyển mộ 30.600 lao động ở Đông Dương (trong đó 8.000 người làm việc trong dịch vụ y tế; 500 người làm việc trong dịch vụ quản lý; 2.000 người cho dịch vụ kỹ thuật; 1.200 công nhân chuyên ngành sắt thép; 100 phiên dịch viên làm giám sát hoặc quản đốc tại các phân xưởng và 20.000 lao động không chuyên) (19). Quá trình tuyển dụng này được tiếp tục được tiến hành, thậm chí cho đến khi Chiến tranh thế giới thứ Nhất kết thúc năm 1918.

Theo kế hoạch của chính phủ Pháp, việc tuyển dụng lao động được thực hiện với nhiều tiêu chí và đối tượng khác nhau:

Thứ nhất, đối tượng tuyển dụng là nam giới từ 18 đến 30 tuổi đối với lao động không có chuyên môn, và dưới 35 tuổi đối với lao động có chuyên môn. Những người từng là quân nhân dự bị hoặc có cấp bậc như hạ sĩ, trung sĩ, thiếu tá có thể được tuyển dụng nếu dưới 40 tuổi. Đặc biệt, những người biết sử dụng tiếng Pháp có thể được tuyển dụng nếu dưới 45 tuổi. Lực lượng này sẽ làm việc với tư cách trung gian trong xưởng và giải thích cho người lao động công việc họ sẽ phải làm (20). Đáng chú ý, chính phủ Pháp không tuyển dụng nữ giới. Đây là một điểm riêng trong chính sách lao động của chính phủ Pháp đối với việc tuyển dụng lao động. Ví dụ như khi tuyển dụng lao động sang Tân Thế giới (New Caledonia) và Tân Đảo (New Hebrides), chính quyền thực dân khuyến khích lao động phụ nữ, lao động trẻ vị thành niên sang vùng đất này (21). Sự

khác biệt chủ yếu xuất phát từ việc Pháp muốn huy động tối đa sức lao động nam giới để làm việc trong các nhà máy quốc phòng trong thời gian ngắn. Ngoài ra, Pháp cũng lo ngại rằng việc tuyển dụng lao động nữ từ các thuộc địa có thể dẫn đến những hệ quả xã hội như hôn nhân, sinh con, hoặc định cư lâu dài tại Pháp.

Thứ hai, tuyển dụng dựa trên tay nghề và trình độ lao động bao gồm lao động có tay nghề, lao động không có tay nghề và thông ngôn. Lao động có tay nghề và lao động hành chính sẽ được tuyển từ các trường chuyên nghiệp, cơ sở công nghiệp, thương mại và hành chính của chính phủ. Do đó, các đối tượng tuyển dụng có chuyên môn chủ yếu là sinh viên từ các Trường Chuyên nghiệp ở Hà Nội và Hải Phòng, Trường Cơ học châu Á ở Sài Gòn, và Trường Y ở Hà Nội, cùng với một số lao động từ các cơ sở công nghiệp, bệnh viện và công trình công cộng. Ngược lại, lao động không có tay nghề chủ yếu được tuyển từ nông dân ở vùng nông thôn, đặc biệt là từ đồng bằng ven biển miền Trung Việt Nam và đồng bằng Bắc Bộ. Thông dịch viên được chọn từ các công chức thuộc chính quyền thuộc địa, quân đội, hoặc những người biết tiếng Pháp. Các quan chức triều đình và thành viên hoàng gia cũng có thể tình nguyện tham gia. Nhiệm vụ của lực lượng này là truyền đạt các chỉ thị, thông tư và hướng dẫn của chính phủ đến người lao động, cũng như giám sát và báo cáo tình hình lao động cho chính quyền thực dân.

Thứ ba, kế hoạch tuyển dụng lao động được thực hiện trên toàn Liên bang Đông Dương, nhưng trên thực tế, việc tuyển dụng tập trung ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ. Ví dụ, theo kế hoạch tuyển dụng 30.500 lao động đầu năm 1916 cho thấy chính phủ Pháp ở Đông Dương phân bổ như bảng 1 (22).

Bảng 1: Tuyển dụng lao động của Pháp ở Đông Dương

Khu vực	Bắc Kỳ	Bắc Trung Kỳ	Trung Trung Kỳ	Nam Kỳ	Campuchia	Tổng số
Nghề nghiệp						
Dịch vụ y tế	3.750	1.000	0	3250	0	8.000
Dịch vụ Quản lý	250	0		250	0	500
Lao động không chuyên	5.500	2.500	6.500	3.000	2.500	20.000
Kỹ thuật	1.000	1.000	0	0	0	2.000

Từ kế hoạch tuyển dụng trên cho thấy, lao động phục vụ cho dịch vụ y tế và dịch vụ quản lý được tuyển dụng chủ yếu ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ, trong khi đó lao động không chuyên được tuyển mộ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Việc phân bổ tuyển dụng này vì Bắc Kỳ và Trung Kỳ là nơi có dân số đông, giao thông vận tải thuận tiện cho việc tuyển dụng và vận chuyển lao động đến các cảng để đưa sang Pháp nhanh chóng. Hơn nữa, thực dân Pháp cũng cho rằng tình hình kinh tế suy giảm, thiên tai (lũ lụt) thường xuyên xảy ra ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ sẽ thúc đẩy những người nông dân đăng ký tự nguyện đi lao động ở Pháp để tìm kiếm cuộc sống mới. Ví dụ, “vào tháng 7 năm 1915 có 2.000 người chết đói ở tỉnh Hà Đông... Trong khi đó, ở các tỉnh Nam Định, Phủ Lý và Hà Đông, mùa màng bị thất bát. Từ tháng 10 năm 1915, nạn đói và dịch tả hoành hành ở một số tỉnh” (23). Nhận xét về tình hình lúc bấy giờ của khu vực Bắc Kỳ, Sarraut - Toàn quyền Đông Dương đã phải thốt lên “những thiếu thốn khủng khiếp, một thảm họa đối với nền nông nghiệp địa phương” (24). Do đó, trở thành người lao động ở Pháp hay các đồn điền ở miền Nam được xem như là những lối thoát duy nhất cho những người dân Bắc Kỳ và Trung Kỳ với hi vọng có thể tìm kiếm được công việc để nuôi sống bản thân và gia đình qua nạn đói. Ngược lại, mặc dù người Campuchia cũng được tuyển dụng theo kế hoạch này với vai trò lao động không chuyên, nhưng số lượng rất hạn chế. Trong

khi đó, kế hoạch này không đề cập đến việc tuyển dụng lao động ở Lào, chủ yếu vì người Lào sống rải rác và điều kiện giao thông chưa thuận tiện, khiến việc tuyển dụng trở nên khó khăn.

Quá trình tuyển dụng lao động được chính phủ thực dân Pháp tiến hành như một biện pháp hành chính, kết hợp chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Dựa trên phân bố dân cư cũng như các đặc điểm dân tộc học, Toàn quyền Đông Dương xác định số lượng tuyển dụng lao động và phân bổ cho người đứng đầu các xứ trong Liên bang Đông Dương tuyển dụng. Sau đó, thống sứ hay thống đốc sẽ phân bổ về các tỉnh và giao cho các địa phương, các quan lại và hào trưởng tại các xã, các làng thực hiện tuyển dụng lao động. Ví dụ, trong bức điện của đại diện chính quyền Pháp ở tỉnh Bắc Giang gửi cho Thống sứ Bắc Kỳ đã nhấn mạnh rằng họ đã nhận được Thông tư số 145 ngày 21-8-1915 về việc tuyển dụng 2.000 công nhân làm việc tại các nhà máy vũ khí quân sự của Pháp (25).

Nguyên tắc tuyển dụng được người Pháp ghi là “phục vụ tự nguyện”. Mỗi tình nguyện viên phải từ 18 tuổi trở lên mới được ký hợp đồng dịch vụ. Nếu họ 16 hoặc 17 tuổi, bố mẹ họ phải ký hợp đồng. Hợp đồng yêu cầu tất cả các tình nguyện viên phải làm việc tại Pháp trong suốt thời gian chiến tranh cộng thêm sáu tháng sau khi ngừng bắn.

Để thu hút người lao động, chính quyền Pháp đã đưa ra các mức lương hấp dẫn. Công nhân không chuyên được thưởng 25

francs và nhận mức lương hàng ngày là 0,75 franc. Lao động có chuyên môn nhận tiền thưởng 20 piastres, lương 0,75 franc/ngày, cùng tiền thưởng từ 2,75 đến 3,50 francs. Đặc biệt, thông dịch viên ở cấp bậc trung sĩ có mức lương từ 3 đến 4,5 francs mỗi ngày. Ngoài ra, chỗ ở, thức ăn và quần áo của các lực lượng này sẽ do chính quyền hoặc chủ thuê chịu trách nhiệm cung cấp (26).

Việc tuyển truyền cũng được chính quyền chú trọng. Trong một bức công điện khẩn cấp gửi cho các công sứ tỉnh phía Bắc vào ngày 10-2-1916, Thống sứ Bắc Kỳ nhấn mạnh rằng họ cần chuẩn bị một tấm áp phích minh họa, in kèm một số bức ảnh của những công nhân đã đến Pháp ở những nơi công cộng như trường học, nhà chùa, hay quán rượu, để người dân bản xứ có thể thấy rõ người Đông Dương tại Pháp có cuộc sống như thế nào. Bên cạnh đó, Thống sứ yêu cầu thông tin tuyển dụng người lao động phải được nhắc đến trong mọi thư từ và hội nghị của lính thợ. Trên các áp phích cũng cần ghi rõ rằng lao động cũng được hưởng quyền ưu tiên như những người lính (27). Thực dân Pháp tin rằng cách làm này có thể mang lại ảnh hưởng rất lớn: “Chắc chắn hơn cả những cân nhắc cao cả về sự cao quý mà chúng ta phải bảo vệ cùng với lời nói mà nông dân khó nắm bắt, những lợi ích tích cực mà chúng mang lại. Người bản xứ loại bỏ những do dự cuối cùng của mình và quyết định không trốn tránh lời kêu gọi này nữa” (28).

Không chỉ vậy, nhiều quan lại triều Nguyễn đã kêu gọi người lao động tham gia tuyển dụng “để thể hiện lòng biết ơn sâu sắc và đáp lại những lợi ích vô giá mà chế độ bảo hộ đã mang lại”. Ví dụ, ngày 20-1-1916, triều đình Huế đã ban hành chiếu chỉ nhằm củng cố các điều khoản của chiến dịch tuyển mộ, đồng thời nhắc lại những lợi ích mà hợp đồng mang lại như “danh dự,

địa vị mới, thu nhập cao hơn, và quyền công dân Pháp” (29). Những người lao động khác cũng tin rằng nếu họ “dành cả trái tim và khối óc vào việc giúp Pháp đánh bại quân Đức, (họ) sẽ có một tương lai tốt đẹp hơn”. Thậm chí, một số những người khác lại tình nguyện vì họ muốn thoát khỏi sự ràng buộc của xã hội Nho giáo, và thực hiện “giấc mộng giang hồ” của họ (30).

Cuối cùng, chính quyền thực dân còn kêu gọi sự hỗ trợ từ các giáo sĩ để huy động những con chiên ngoan đạo tham gia lao động ở Pháp. Những đối tượng công giáo này có thể đảm nhiệm vai trò làm thông dịch viên do biết tiếng Pháp.

Để được tuyển dụng, mỗi người lao động phải cung cấp được các thông tin cá nhân như: Tên, tuổi, nơi cư trú, nghề nghiệp, tôn giáo và giấy xác nhận đạo đức (được lý trưởng xác nhận về nguồn gốc gia đình và xem xét đã từng vi phạm pháp luật hoặc quy định địa phương hay không) (31). Sau khi đăng ký tuyển dụng, người lao động sẽ được chuyển đến trung tâm đăng ký và phải trải qua hai cuộc kiểm tra y tế để xác định liệu họ có đáp ứng đủ tiêu chuẩn cho các công việc quân sự hoặc dân sự hay không. Dù quá trình tuyển dụng lao động diễn ra gấp rút, nhưng Pháp vẫn ưu tiên chọn những lao động có sức khỏe tốt nhất để đưa sang Pháp. Để đảm bảo chọn lọc những người khỏe mạnh, Sở Y tế đã đặt ra các tiêu chí thể chất cụ thể đối với người dân bản địa như cao từ 1m55, nặng 45kg, và không mắc các bệnh truyền nhiễm như đau mắt hột - một căn bệnh có thể gây suy giảm thị lực. Các bác sĩ sẽ loại bỏ những người ốm yếu, thể chất kém, bị bệnh, nhiễm trùng, lao hoặc bệnh khác, đồng thời chịu trách nhiệm giám sát y tế và đảm bảo sức khỏe cho người lao động. Cuối cùng, trước chuyến khởi hành, một cuộc kiểm tra y tế mới sẽ được thực hiện, để kiểm tra tình trạng thể chất của người lao động. Sau khi

hoàn tất quá trình kiểm tra y tế, lực lượng lao động này nhanh chóng được đưa sang Pháp để làm việc trong các nhà máy, xí nghiệp quốc phòng hay vận chuyển hậu cần cho Pháp trên chiến trường.

3. Những khó khăn và kết quả trong quá trình tuyển dụng

Mặc dù kế hoạch và quá trình tuyển dụng của chính quyền được hoạch định chi tiết, nhưng trên thực tế việc tuyển dụng không đạt được kết quả như chính quyền thực dân dự kiến.

Trước tiên, có thể thấy rõ dù nước Pháp lâm vào cuộc khủng hoảng lao động ngay sau khi chiến tranh bùng nổ thì việc huy động lao động Đông Dương sang Pháp cũng chỉ được thực hiện từ năm 1915 trở đi. Sự chậm trễ này xuất phát từ nhiều yếu tố như thực dân Pháp không có niềm tin vào sự “trung thành” của người Đông Dương hay định kiến phổ biến rằng lao động Đông Dương là yếu ớt và chỉ có sức khỏe tương đương với phụ nữ Pháp. Tướng Joffre, người từng ở Bắc Kỳ, đã không tin tưởng vào khả năng của lao động Đông Dương và thậm chí phản đối việc tuyển dụng họ. Cựu Thống đốc Nam Kỳ, Ernest Outrey, cũng không đồng ý với kế hoạch tuyển mộ nguồn nhân lực của Pennequin, cho rằng thể chất của người Việt Nam không đủ mạnh để chiến đấu trên các chiến trường, đặc biệt là ở châu Âu. Ông còn cho rằng những lợi ích mà việc tuyển dụng mang lại không đủ hấp dẫn để thuyết phục người Đông Dương rời bỏ quê hương để phục vụ cho Pháp.

Thứ hai, chính sách tuyển dụng lao động vấp phải sự phản đối bởi chính các quan chức bản địa, chủ đồn điền, và tư sản tại Đông Dương. Việc tuyển dụng số lượng lớn lao động đến Pháp làm cho chính quyền ở Đông Dương lo ngại về sự biến mất một nguồn lao động bản địa phục vụ cho các công trình công cộng hay đồn điền và nhà máy tư nhân. Thống đốc Nam Kỳ, Ernest

Outrey, cho rằng Đông Dương chỉ có thể cung cấp khoảng 10.000 người, vì lực lượng còn lại sẽ được sử dụng để duy trì nền an ninh ở Đông Dương. Ông cũng nhấn mạnh rằng nếu tuyển dụng quá 10.000 người, sẽ ảnh hưởng, thậm chí đe dọa trực tiếp đến nguồn lao động ở Bắc Kỳ - những người dự kiến làm việc trong các đồn điền ở Nam Kỳ. Tương tự như Outrey, Ủy ban Công thương Đông Dương cũng phản đối kế hoạch tuyển dụng của Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, vì nó trùng với mùa thu hoạch lúa vào tháng 5, thời điểm cần huy động toàn bộ lực lượng lao động (32).

Thứ ba, chính phủ Pháp phải đối mặt với làn sóng phản đối tuyển dụng từ những người nông dân Đông Dương. Điều này đã được phản ánh rõ trong báo cáo của Tổng đốc tỉnh Nam Định vào ngày 27-8-1915 cho Công sứ Pháp ở Nam Định: “Quả thực, người An Nam bản chất không muốn đi xa. Thậm chí, họ cũng lo lắng về vợ, con, cha, mẹ nếu họ đi xa. Tôi không dám đảm bảo với ngài rằng sẽ có nhiều tình nguyện viên” (33). Người dân Đông Dương cũng phớt lờ những bộ phim tuyên truyền của Pháp và coi nó là một việc được chính phủ Pháp sắp đặt. Tuyên bố trong cuộc binh biến tháng 8 năm 1917 của các binh lính tại đồn Thái Nguyên đã chứng tỏ rằng những gì chính phủ Pháp tuyên truyền qua các bộ phim mang đến cho người dân bản xứ hoàn toàn trái ngược với thực tế: “Kẻ thù của chúng ta (Pháp) hiện đang bị tấn công ở châu Âu, chúng đang trưng dụng người của chúng ta để làm bức tường bảo vệ, tịch thu tài sản của chúng ta để tiếp tế cho quân đội. Đến nơi, đồng bào còn sống sót của chúng ta thì ngập đầu trong công việc, những người chết không được chôn cất tử tế” (34). Do đó, làn sóng phản đối tuyển dụng tăng cao ở những làng quê Đông Dương.

Do tuyển dụng lao động tình nguyện không đạt được kết quả khả quan, vì vậy

tình trạng cưỡng bức người lao động đi làm việc ở Pháp cũng trở nên phổ biến. Ví dụ, ở Hà Đông, “Lý trưởng ở làng Dương Tảo đã cho năm người lính hầu cầm gậy xông vào các nhà bắt dân, đánh đập dã man rồi cưỡng bức đưa về khu tập trung, thậm chí mừng 3 Tết còn không cho người ta ăn hết bữa đã bị bắt đi. Điều tương tự cũng xảy ra ở hầu hết các làng xã ở Sơn Huyền. Vì vậy, nhiều gia đình đã phải chạy trốn khỏi làng vì những sự việc đau lòng này” (35). Bên cạnh đó, những gia đình giàu có và cư dân thành thị cũng sẵn sàng bỏ ra một số lượng tiền lớn để mua chuộc những nhà chức trách địa phương không ghi tên họ vào danh sách đối tượng lao động. Do đó chủ yếu là những người nông dân nghèo và những tầng lớp thấp kém khác, không có tiếng nói cũng như địa vị xã hội bị bắt phải tham gia lao động ở Pháp. “Chính từ tầng lớp nghèo, trong số thợ thủ công và nông dân, 4/5 số người bản xứ xin nhập ngũ đều được tuyển dụng. Chúng ta không thể nghĩ rằng triển vọng về những lợi ích thực sự dành cho các tình nguyện viên và gia đình của họ là đủ để vào lúc này đảo ngược tỷ lệ này theo xu hướng có lợi cho giai cấp thống trị” (36).

Sự cưỡng bức của chính quyền được minh chứng rõ ràng qua các con số: tại Mỹ Tho, 734 trong tổng số 775 người được tuyển chọn là do cưỡng bức; ở Tây Ninh, con số này là 192 trên tổng số 302 người, trong đó 32 người bị loại vì không đủ tiêu chuẩn. Riêng tại Sa Đéc, chỉ có 170 người tình nguyện trong tổng số 440 người được tuyển dụng (37). Một trong những người bị tuyển dụng cho biết: “Lý trưởng ở nhiều làng đã cho bắt giữ và thậm chí trói một số người dân, đặc biệt là 82 người nghèo nhất” (38). Ngoài ra, nhiều trường hợp người lao động tự gây thương tích để bị loại trong các đợt kiểm tra y tế. Tại Campuchia, nhiều thanh niên khỏe mạnh đã chọn con đường xuất gia để tránh bị cưỡng bức tuyển dụng,

dẫn đến tình trạng vắng mặt và đào ngũ khỏi các trại tập trung tăng lên đáng kể cho đến cuối tháng 3. Cuối cùng, chỉ có khoảng 1.150 người Campuchia được đưa sang Pháp (39). Cưỡng bức lao động là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến các cuộc nổi dậy ở 13 tỉnh Nam Kỳ, bao gồm Trà Vinh, Biên Hòa, và Sài Gòn. Những cuộc nổi dậy này nhanh chóng lan rộng và diễn ra dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như tấn công nhà tù, đồn bót quân sự, và phá hủy các kho lưu trữ.

Thứ tư, lực lượng lao động Đông Dương gặp khó khăn trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn y tế của chính quyền Pháp. Thực tế, tỷ lệ người lao động bị loại sau các đợt kiểm tra y tế của thực dân Pháp rất cao, với một số khu vực có tỷ lệ bị loại lên đến hơn 90%. Ví dụ báo cáo của chính quyền tỉnh Hà Nam cho Thống sứ Bắc Kỳ ngày 3 tháng 10 năm 1916 khi ông nhấn mạnh trong số 204 lao động O.N.S được tuyển dụng ở huyện Thanh Liêm chỉ có 14 người (7%) được tuyển dụng. Do đó, nếu phải cung cấp 300 người lao động O.N.S, ông sẽ phải có 4.288 người lao động để tuyển chọn mà điều này là không thể (40). Thậm chí ông còn cho rằng lực lượng y tế đã đưa ra các tiêu chuẩn mà lao động Đông Dương khó có thể đáp ứng, do đó ông đề nghị chính phủ có thể cải thiện chế độ ăn uống hợp lý để biến những người bản xứ ốm yếu thành những người đàn ông đủ sức khỏe cho công việc ở Pháp.

Thứ năm, việc tuyển dụng ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ nhiều lần phải tạm ngừng do sự bùng phát và lây lan của dịch bệnh như dịch tả, đậu mùa, và sốt xuất huyết. Trong đó, dịch tả là một bệnh dịch nguy hiểm với tốc độ lây lan nhanh chóng và những tác hại nghiêm trọng đối với sức khỏe của người mắc bệnh. Do sự đông đúc của những người lao động trong doanh trại với những điều kiện vệ sinh tồi tệ, không đảm bảo đã khiến căn bệnh này trở thành nỗi ám ảnh

không chỉ của riêng phía Pháp mà còn cả những người Đông Dương. Ví dụ, vào năm 1915, một đợt bùng phát dịch tả ở Trung Kỳ đã có tác động mạnh mẽ đến việc tuyển dụng lao động cho các tỉnh giáp ranh Bắc Kỳ. Nguồn gốc lây nhiễm được xác định là từ những người lao động được tuyển ở miền Trung và Bắc Trung Kỳ. Bệnh dịch sau đó đã lan rộng khắp Bắc Kỳ. Tại các doanh trại ở Hà Nội và Hải Phòng, việc không xây dựng phòng cách ly để tách những người mắc bệnh khỏi người khỏe mạnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh dịch lây lan nhanh chóng và trên diện rộng. Tại Nam Định, 6.000 người phải ngủ trên những tấm pallet ẩm ướt được đặt trên mặt đất, không được khử trùng; tại Kiến An, không có bất kì thiết bị vệ sinh nào và việc sơ tán những bệnh nhân này chỉ được thực hiện một cách đơn sơ thông qua những chiếc xe kéo... Còn tại Nam Kỳ, nguồn lây bệnh tả cũng đến từ các doanh trại của khu vực khiến 153 người thiệt mạng” (41). Những tân binh tại các nhà ga và bến cảng đang chờ ngày xuất phát nhưng phải hoãn lại trong một khoảng thời gian dài để phòng ngừa căn bệnh này. Do đó, các tòa nhà quân sự và dân sự dành cho họ lưu trú là không thể đáp ứng đủ so với số lượng của họ. Chính vì vậy mà “ở Hải Phòng, các cửa hàng tư nhân đã được đem ra trưng dụng và một lực lượng dự phòng đã được bố trí tại các bến cảng. Ở Huế, Hoàng thành đã trở thành nơi dành cho các tân binh đó ở lại nhưng không có đủ nước và các công trình nhà vệ sinh, thiếu những đồ vật cần thiết như quần áo và chăn màn” (42). Nhìn chung, tại Đông Dương, công tác phòng bệnh không được chính quyền thuộc địa quan tâm nhiều. Quân đội là đối tượng ưu tiên đầu tiên nhưng họ cũng đã phải đợi đến ba tháng sau khi dịch bệnh bùng phát và lan rộng mới có vắc-xin phòng ngừa. Cho đến tháng Năm, đợt tiêm phòng bệnh tả đầu

tiên mới được thực hiện. Mặc dù vậy, dịch bệnh vẫn luôn đe dọa thường trực trong các khu trại như tháng 8 năm 1916, Thống đốc Nam Kỳ đã thông báo cho Toàn quyền Đông Dương về việc 13 trường hợp mắc bệnh tả, trong đó có 7 trường hợp tử vong trong số những công nhân không chuyên trong doanh trại của trại súng trường Cape Saint-Jacques hay ở trại Biên Hòa cũng xuất hiện 3 trường hợp mắc bệnh tả, trong đó có 1 trường hợp tử vong, đã xảy ra trong đội ngũ công nhân đóng quân tại Biên Hòa (43). Có thể nói, dịch bệnh bùng phát đã khiến cho quá trình tuyển dụng lao động của Pháp ở Đông Dương phức tạp và khó khăn hơn.

Cuối cùng, quá trình vận chuyển lao động sang Pháp cũng gặp phải nhiều khó khăn do sự thiếu hụt tàu thuyền và những tổn thất phát sinh từ điều kiện vệ sinh kém cùng với các cuộc đụng độ bất ngờ xảy ra trong suốt hành trình. Để giải quyết tình hình này, chính phủ Pháp đã thông qua một loạt các luật như trao cho Bộ Chiến tranh quyền lực tuyệt đối để yêu cầu các tàu biển thương mại, tàu chở hàng và tất cả các hình thức vận tải hải quân khác của Pháp. Các công ty vận tải nhận được từ 303 đến 429 francs cho mỗi hành khách trên một tàu chở hàng và 500 francs cho mỗi người được vận chuyển trên một tàu viễn dương. Bên cạnh đó, chính phủ Pháp còn tổ chức thuê những con tàu của tư nhân ở Nhật Bản và Thượng Hải. Giá của những lần thuê tàu đều rất cao bởi họ vừa vận chuyển một nguồn nhân lực quan trọng vừa mang theo một số lượng ngũ cốc lớn. Để tiết kiệm cho mỗi lần vận chuyển, chính quyền thuộc địa đã cố gắng sắp xếp cho những người này tối đa nhất có thể ở mỗi con tàu, khiến cho mỗi con tàu đều chở vượt quá mức quy định bình thường (44).

Những người lao động này sẽ thực hiện cuộc hành trình vượt đại dương kéo dài khoảng một tháng. Từ Đông Dương, họ đi

qua Biển Đông, eo biển Ma-lắc-ca và Ấn Độ Dương để đến kênh đào Xuy-ê, dừng lại tiếp nhiên liệu và nghỉ ngơi trước khi di chuyển đến Mác-Xây (Marseille). Tuy nhiên, trong suốt hành trình, các con tàu phải đối mặt với cuộc tấn công của tàu ngầm Đức. Ví dụ, theo nhật ký của Thuyền trưởng tàu Athos, con tàu bị trúng ngư lôi vào ngày 1-3-1917; kết quả là 752 người chết, trong đó có 37 người Việt Nam (45).

Ngoài ra, thời tiết khắc nghiệt, tình trạng mất vệ sinh, thức ăn nghèo nàn đã trở thành nỗi ám ảnh trường trực của lao động Đông Dương trên những chuyến tàu. Một số người, trong đó có François Bertrand Can và Nguyễn Văn Ba thì mô tả đồ ăn trên tàu là “kinh tởm”. Nhật ký của thuyền trưởng các tàu Amirus Latouche Tréville và Meinam cũng ghi lại thời tiết giông bão, biển động đã gây ra những cái chết của các tân binh Việt Nam.

Thêm vào đó, dịch bệnh bùng phát cũng gây khó khăn cho chính quyền. Ví dụ, như đợt dịch tả đã lây lan sang cả các con tàu chở quân từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ vào Sài Gòn khiến chính quyền chỉ còn cách tạm thời cách ly họ. “Từ ngày 27 tháng 2 đến ngày 2 tháng 5 năm 1916, bảy tàu bị nhiễm dịch và bị cách ly, toàn bộ hành khách trên tàu đã được đưa vào bệnh viện ở Nhà Bè, Sài Gòn, Mĩ Tho, Thủ Dầu Một và được giữ ở khu cách ly trong khi tàu được khử trùng” (46). Tương tự, trong nhật ký của Pei Ho đã viết con tàu của anh ta mang theo khoảng 2.500 tân binh quân sự và lao động với tình trạng chật chội và vệ sinh kém, những người nấu bữa ăn cạnh nhà vệ sinh và ngủ giữa đàn gia súc. Kết quả là khi con tàu đang băng qua Ấn Độ Dương thì trên tàu có một đợt bùng phát dịch tả. Vào thời kỳ đỉnh điểm, từ ngày 17 đến ngày 19 tháng 5 năm 1916, trung bình có bốn người chết mỗi ngày, thậm chí có một số trường hợp tự sát. Khi tàu đến kênh đào Xuy-ê, các hành

khách đã được sơ tán và điều trị tại một bệnh viện của Anh. Vào thời điểm những tân binh sống sót tiếp tục cuộc hành trình vào ngày 18 tháng 6, 104 người đồng hương của họ đã thiệt mạng. Chuyến đi kéo dài ba tháng rưỡi, thay vì ba mươi ngày như thường lệ (47). Để khắc phục tối đa những rủi ro do bệnh dịch mang lại, một ủy ban kiểm tra đã được thành lập vào tháng 8 năm 1916 với mục đích giám sát các con tàu vận chuyển nguồn nhân lực từ Đông Dương sang Pháp. Cơ quan này có trách nhiệm đảm bảo sự an toàn, đồng thời cách ly những người không may bị mắc bệnh tả ra khỏi những người khỏe mạnh xung quanh. Mặc dù vậy, việc tuyển dụng và vận chuyển lao động Đông Dương sang Pháp không phải dễ dàng và thuận lợi như chính phủ Pháp mong đợi.

Kết quả, từ năm 1915 đến năm 1918, thực dân Pháp đã tuyển dụng khoảng 48.254 người lao động sang Pháp. Trong đó, năm 1915 là 4.631 người, năm 1916 là 26.098 người, năm 1917 là 11.719 người và năm 1918 là 5.806 người lao động (48). Như vậy, số lượng tuyển dụng lao động thực tế ở Đông Dương thấp hơn so với kì vọng ban đầu của chính phủ Pháp khoảng 2,546 người. Trong số đó, hầu hết là lao động không có tay nghề được tuyển dụng chủ yếu ở những làng quê Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ hơn là lao động có tay nghề trong các trường chuyên nghiệp.

4. Kết luận

Việc tuyển dụng lao động Đông Dương sang Pháp trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất là một phần quan trọng trong chính sách của Pháp, nhằm khai thác nguồn nhân lực từ các thuộc địa để phục vụ cho cuộc chiến ở châu Âu. Là một trong những khu vực quan trọng nhất của đế quốc Pháp, Đông Dương đã gửi gần 49.000 lao động sang làm việc tại Pháp.

Đáng chú ý, mặc dù phải tuyển dụng lao động trong thời gian ngắn nhưng thực dân Pháp vẫn xây dựng một kế hoạch tuyển dụng với những tiêu chí rõ ràng để khai thác tối đa lợi ích và giảm thiểu những áp lực kinh tế - xã hội đối với lực lượng lao động Đông Dương khi ở Pháp.

Có thể thấy rằng quá trình tuyển dụng lao động được thực hiện như một chu trình hành chính từ trung ương đến địa phương. Toàn quyền Đông Dương căn cứ theo những yêu cầu của chính quốc và điều kiện thực tế ở địa phương để phân bổ tuyển dụng đến các xứ, các tỉnh rồi đến địa phương. Để tuyển dụng đạt kết quả cao, chính quyền thực dân cũng gia tăng nỗ lực tuyên truyền, hứa hẹn về tiền lương và địa vị xã hội để thu hút tầng lớp dân nghèo đăng kí. Sự kết hợp giữa các biện pháp kinh tế, chính trị, tôn giáo trong chiến dịch tuyển dụng này cho thấy quyết tâm của Pháp trong việc huy động nhân lực thuộc địa nhằm phục vụ cho cuộc chiến, đồng thời phản ánh sự phức tạp trong công tác tổ chức và quản lý của chính quyền thuộc địa khi phải phối hợp từ trung ương đến cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình này cũng bộc lộ nhiều hạn chế đáng kể, làm giảm hiệu quả và tạo ra những mâu thuẫn giữa chính quyền Pháp ở chính quốc và chính quyền ở Đông Dương. Trước tiên, các quy định của Pháp về việc sử dụng lao động Đông Dương vốn mang nặng tính áp đặt, định kiến chưa phù hợp với thực tế và đặc điểm của người lao động. Thêm vào đó, sự phản đối từ chính quyền địa phương xuất phát từ lo ngại thiếu hụt lao động tại các vùng tuyển dụng là một trở ngại lớn. Những người lao động tiềm năng vốn đóng vai trò quan

trọng trong sản xuất nông nghiệp và các ngành nghề truyền thống, vì vậy việc điều chuyển họ ra ngoài làm dấy lên lo ngại về sự thiếu hụt nhân lực tại chỗ. Ngoài ra, các vấn đề về sức khỏe, tâm lý của người lao động và tình trạng thiếu phương tiện hỗ trợ tại các địa điểm tuyển dụng cũng khiến cho chính quyền thuộc địa gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì quy mô và hiệu quả của quá trình tuyển dụng.

Dù vậy, so với những khu vực khác để cung cấp người lao động như An-gê-ri (75.900 người), Ma-rốc (35.000 người), Tu-ni-di (18.500 người), Ma-da-ga-xca (5.500 người), và Trung Quốc (36.700 người, thì Liên bang Đông Dương đã cung cấp số lượng lớn với 48.981 người (năm 1919 Đông Dương cung cấp thêm 727 người lao động). Đặc biệt, những người lao động Đông Dương góp phần không nhỏ trong công nghiệp quốc phòng của Pháp thời kì diễn ra Thế chiến thứ Nhất.

Như vậy, nghiên cứu về quá trình tuyển dụng lao động Đông Dương sang Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ Nhất đã làm sáng tỏ một khía cạnh quan trọng trong mối quan hệ thuộc địa giữa Pháp và Đông Dương, qua đó không chỉ cung cấp cái nhìn rõ nét hơn về chính sách khai thác nhân lực thuộc địa của Pháp mà còn phản ánh những mâu thuẫn, bất bình đẳng và sức ép mà người dân Đông Dương phải chịu đựng trong thời kỳ này. Từ đó, nghiên cứu mở ra một số khía cạnh mới về tuyển dụng lao động thuộc địa và so sánh chính sách tuyển dụng lao động thuộc địa của Pháp với các đế quốc thực dân khác trong cùng thời kỳ, nhằm rút ra những nhận định về cách các nước thực dân khai thác nhân lực từ các thuộc địa của mình.

CHÚ THÍCH

(1). Michel Foucault, *Society Must Be Defended*, Lectures at the college of France 1975 - 1976, In: Picador New York, 2003, tr.239.

(2), (15), (48). Albert Sarraut, *La mise en valeur des colonies françaises : avec onze cartes en noir et en couleurs*, Payot, Paris, 1923, tr. 42-43.

(3). Mireille Le Van Ho, *Des Vietnamiens dans la Grande guerre. 50 000 recrues dans les usines françaises*, Vendémiaire, 2014.

(4), (5). Nicolas Beaupre, France, 1914-1918-online. *International Encyclopedia of the First World War*, ngày 8 tháng 10 năm 2014, <https://encyclopedia.1914-1918-online.net/article/france>

(6). Stéphane Tison, War Aims and War Aims Discussions (France), 1914-1918-online. *International Encyclopedia of the First World War*, ngày 15 tháng 11 năm 2016, <https://encyclopedia.1914-1918-online.net/article/war-aims-and-war-aims-discussions-france/>

(7), (8), (10). Bruno Cabanes, *August 1914: France, the Great War, and a Month That Changed the World Forever*, Yale University Press, 2016, tr. 2, 2, 83.

(9). Charles Petit-Dutaillis, *L'Appel de guerre en Dauphiné*, 1er-2 aot 1914, Grenoble: Imprimerie Allier Frères, 1915, tr. 1-5.

(11), (13), (14), (23), (24), (28), (32), (34), (36), (37), (38), (39), (41), (42). Mireille Le Van Ho, *Des Vietnamiens dans la Grande guerre. 50 000 recrues dans les usines françaises*, Vendémiaire, 2014, tr.15, 15, 19, 56, 57, 43, 29, 44, 61, 53, 54, 51, 56, 38.

(12), (16). Vu Hill Kimloan, *A westward Journey, an Englishtened pah: Vietnamese Linh Tho, 1915-1930*, University of Oregon, Doctor of philosophy, 2001.

(17). H. Xi-mô-ni, *Vai trò của tư bản trong cuộc khai thác xứ Đông Dương*, Helms: Paris, 1929, tr.4.

(18). Li Ma, *Les travailleurs chinois en france dans la première guerre mondiale*, CNRS éditions, Paris, 2019.

(19), (20). Trung tâm lưu trữ Quốc gia I (TTLTQG I), Hồ sơ 21382, Des instructions relatives au recrutement des indigènes pour servir dans l'année, Instructions Générales sur le recrutement et l'incorporation des contingences indigènes à fournir par l'Indochine en exécution des prescriptions des cablogrammes ministériels n 991, du 27 novembre et n 1059, du 13 décembre 1915 et du décret du 18 décembre 1915.

(21). Nguyễn Thị Trang, "Vietnamese indentured labourers: The intervention of the French colonial government in regulating the flow of Vietnamese labourers to the Pacific Islands in the early twentieth century", *Labor History*, 63(5), 584-603, 2022.

(22). TTLTQG I, Hồ sơ 21382, Le Gouverneur Général de l'Indochine à Monsieur le Général de Division Commandant Supérieur des Troupes du Groupe de l'Indochine, ngày 30 tháng 8 năm 1915.

(25). TTLTQG I, Hồ sơ 21382, L'Administrateur Résident de France à Bac Giang à Monsieur le Résident Supérieur au Tonkin, ngày 23 tháng 8 năm 1915.

(26). TTLTQG I, Hồ sơ 21382, Instructions Générales sur le recrutement et l'incorporation des contingences indigènes à fournir par l'Indochine en exécution des prescriptions des cablogrammes ministériels n 991, du 27 novembre et n 1059, du 13 décembre 1915 et du décret du 18 décembre 1915.

(27). TTLTQG I, Hồ sơ 21382-04, Recrutement et formation des ouvriers spécialisés pour envoyer en France, Telegramme officiel, Hanoi, le 10 Fevrier 1916.

(29), (30). Alan Beyerchen & Emre Sencer, *Expeditionary Forces in the First World War*, Springer International Publishing, 2019, tr. 114.

(31). TTLTQG I, Hồ sơ 21382-03, Recrutement des volontaires indigènes pour le service arme et non arme.

(33). TTLTQG I, Hồ sơ 21382- Des instructions relatives au recrutement des indigènes pour servir dans l'année.

(35). TTLTQG I, Hồ sơ 21382- 05, Recrutement des ouvriers non spécialistes à envoyer en France.

(43). TTLTQG I, Hồ sơ 21382-06, Résultat du recrutement des ouvriers volontaires non spécialisés pour la France.

(40). TTLTQG I, Hồ sơ 1832, Mesure sanitaire à prendre et évacuation des S.O.N.S pendant l'opidomie du cholera.

(44), (45). Beyerchen, A & Sencer, E (2019), *Expeditionary Forces in the First World War*, Nxb Springer International Publishing.

(46). Vu Hill Kimloan, *A westward Journey, an Englishtened pah: Vietnamese Linh Tho, 1915-1930*, University of Oregon, Doctor of philosophy, 2001, tr. 55.

(47). Santanu Das, Race, *Empire And First World War Writing*, Cambridge University Press, tr. 55.